

liên Bộ số 2552-TTLB/NV - QP ngày 27-12-1995 của liên Bộ Nội vụ - Quốc phòng về việc thực hiện Nghị định số 36-CP ngày 27-12-1995 của Chính phủ, thì các đơn vị này phải thực hiện việc kê khai nộp lệ phí trước bạ với cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đơn vị đóng trụ sở trước khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng.

Do đặc thù của việc quản lý đăng ký ô tô, xe gắn máy áp dụng tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng nên thủ tục, giấy tờ hợp lệ liên quan đến việc tính thu lệ phí trước bạ ngoài những quy định hiện hành, còn được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 2552-TTLB/NV - QP ngày 27-12-1995 của liên Bộ Nội vụ - Quốc phòng.

3. Sửa đổi, thay thế hai mẫu tờ khai lệ phí trước bạ kèm theo Thông tư số 19-TC/TCT ngày 16-3-1995 của Bộ Tài chính bằng hai mẫu tờ khai lệ phí trước bạ đính kèm Thông tư này (1).

4. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những nội dung quy định khác về lệ phí trước bạ không nêu tại Thông tư này được thực hiện theo các quy định tại các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

giải thích nội dung các điều khoản của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và các nước đã ký kết và có hiệu lực thi hành tại Việt Nam.

Căn cứ Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam với Bê-la-rút có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 12 năm 1997 và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam với Séc có hiệu lực thi hành từ ngày 3 tháng 2 năm 1998;

Căn cứ Thông tư số 95/1997/TT-BTC ngày 29-12-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn và giải thích nội dung các điều khoản của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và các nước đã ký kết và có hiệu lực thi hành tại Việt Nam;

Để thực hiện hai Hiệp định tránh đánh thuế hai lần nêu trên, Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung Thông tư số 95/1997/TT-BTC ngày 29-12-1997 của Bộ Tài chính như sau:

1. Các quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Bê-la-rút được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 95/1997/TT-BTC ngày 29-12-1997 của Bộ Tài chính. Trường hợp Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bê-la-rút về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản có quy định chưa được hướng dẫn tại Thông tư số 95/1997/TT-BTC ngày 29-12-1997 hoặc có những quy định khác với quy định tại Thông tư trên thì sẽ căn cứ vào quy định cụ thể đối với Hiệp định giữa Việt Nam và Bê-la-rút tại Phụ lục số XXIV kèm theo Thông tư này để thực hiện.

2. Các quy định của Hiệp định tránh đánh thuế

THÔNG TƯ số 59/1998/TT-BTC ngày 12-5-1998 bổ sung Thông tư số 95/1997/TT-BTC ngày 29-12-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn và

(1) Không in mẫu tờ khai

hai lần giữa Việt Nam và Séc được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 95/1997/TT-BTC ngày 29-12-1997 của Bộ Tài chính. Trường hợp Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Séc về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản có quy định chưa được hướng dẫn tại Thông tư số 95/1997/TT-BTC ngày 29-12-1997 hoặc có những quy định khác với quy định tại Thông tư trên thì sẽ căn cứ vào quy định cụ thể đối với Hiệp định giữa Việt Nam và Séc tại Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư này để thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

Phục lục số XXIV

HIỆP ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ BÊ-LA-RÚT

(kèm theo Thông tư số 59/1998/TT-BTC ngày 12-5-1998 của Bộ Tài chính bổ sung Thông tư số 95/1997/TT-BTC ngày 29-12-1997 của Bộ Tài chính).

Mặc dù đã có những quy định tại Thông tư số 95/1997/TT-BTC ngày 29-12-1997 của Bộ Tài chính, các quy định hướng dẫn sau đây sẽ được áp dụng trong trường hợp thực hiện Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Bê-la-rút về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập

và vào tài sản có hiệu lực từ ngày 26 tháng 12 năm 1997 và được áp dụng đối với các loại thuế tại Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 1998:

1. Cơ sở thường trú:

(i) Theo Hiệp định này, Đoạn a, Điểm 3.2. Khoản 3 Mục I Thông tư được thay thế bằng quy định như sau:

a) Doanh nghiệp đó có tại Việt Nam: trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng (kể cả văn phòng đại diện thương mại của thương nhân nước ngoài đặt tại Việt Nam trong trường hợp được ủy quyền ký kết hợp đồng thương mại), nhà máy, xưởng sản xuất, mỏ, giếng dầu hoặc khí, địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên, địa điểm dùng để bán hàng hóa hay tài sản cho xí nghiệp, hay các thiết bị, phương tiện phục vụ cho việc thăm dò tài nguyên thiên nhiên.

(ii) Theo Hiệp định này, Đoạn d, Điểm 2.3 Khoản 2 Mục I Thông tư được thay thế bằng quy định như sau:

d) Doanh nghiệp đó có tại Việt Nam một đại lý môi giới, đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác, nếu các đại lý đó dành toàn bộ hoặc động đại lý của mình cho doanh nghiệp đó (đại lý phụ thuộc).

(iii) Theo Hiệp định này, một tổ chức bảo hiểm là đối tượng cư trú của Bê-la-rút nếu thực hiện thu phí bảo hiểm tại Việt Nam hay thực hiện bảo hiểm rủi ro tại Việt Nam thông qua một đối tượng không có tư cách độc lập, trừ trường hợp tái bảo hiểm, sẽ được coi là thực hiện hoạt động kinh doanh tại Việt Nam thông qua một cơ sở thường trú tại Việt Nam.

(iv) Theo Hiệp định này, Đoạn a, Điểm 3.3, Khoản 3 Mục I Thông tư được thay thế bằng quy định như sau:

09665924

www.ThuVienHapLuoc.com
Tel: +84 9 3845 6684 *
LAWBOOK

a) Doanh nghiệp đó sử dụng các phương tiện chỉ nhằm mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng hóa hay tài sản cho xí nghiệp.

2. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh:

Theo Hiệp định này, không có khoản lợi tức nào được phân bổ cho một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của Bê-la-rút tại Việt Nam nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hóa hay tài sản cho xí nghiệp.

3. Thu nhập từ tiền lãi cổ phần:

Theo Khoản 2 Điều 10 của Hiệp định này, thuế suất giới hạn nêu tại Điểm 5.2, Khoản 5, Mục II Thông tư là 15% của tổng số tiền lãi cổ phần.

4. Thu nhập từ lãi từ tiền cho vay:

4.1. Theo Khoản 2 Điều 11 của Hiệp định này, thuế suất giới hạn nêu tại Điểm 5.2, Khoản 5, Mục II Thông tư là 10% của tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

4.2. Trường hợp Việt Nam đánh thuế thu nhập đối với các khoản lãi từ tiền cho vay do các tổ chức, cá nhân Việt Nam trả cho các đối tượng cư trú của nước ngoài, lãi từ tiền cho vay trả cho Ngân hàng quốc gia Bê-la-rút sẽ được miễn thuế tại Việt Nam.

5. Thu nhập từ tiền bản quyền:

Theo Khoản 2 Điều 12 của Hiệp định này, thuế suất giới hạn nêu tại Điểm 7.2, Khoản 7, Mục II Thông tư là 15% tổng số tiền bản quyền.

6. Thu nhập từ hoạt động ngành nghề độc lập:

Theo Khoản 3 Điều 14 của Hiệp định này, thuật ngữ: "cơ sở cố định" có nghĩa là một địa điểm cố định như một văn phòng hay một căn phòng, hoặc bất kỳ một địa điểm nào mà qua đó

một cá nhân có thể thường xuyên thực hiện một phần hoặc toàn bộ các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

7. Thu nhập từ tiền lương hưu:

Theo Khoản 2 Điều 18 của Hiệp định này, những khoản tiền do một cá nhân là một đối tượng cư trú của Bê-la-rút nhận được từ các hình thức bảo hiểm xã hội theo quy định của luật pháp của Việt Nam sẽ chỉ bị đánh thuế tại Việt Nam.

8. Thu nhập của sinh viên, học sinh học nghề:

Theo Hiệp định này, Đoạn b, Khoản 15.2, Mục II Thông tư được thay thế bằng quy định như sau:

Đối với các khoản tiền trợ cấp, học bổng, tiền công lao động không được đề cập tại Đoạn a, Khoản 15.2, Mục II Thông tư, thì sinh viên hay học sinh học nghề như được đề cập tại Khoản 15.2, Mục II Thông tư trong suốt thời gian học tập hay đào tạo của mình tại Việt Nam sẽ được hưởng các quy định về miễn thuế hoặc giảm thuế như các quy định áp dụng cho các đối tượng cư trú của Việt Nam.

9. Thu nhập khác:

Theo Hiệp định này, Khoản 17 Mục II Thông tư được thay thế bằng quy định như sau:

17.1. Điều 22 quy định việc thu thuế đối với các khoản thu nhập khác chưa được đề cập tại các điều khoản khác của Hiệp định.

17.2. Theo quy định tại Điều 22, trường hợp một đối tượng cư trú của Bê-la-rút có các khoản thu nhập khác từ Việt Nam như đề cập tại Điểm 17.1 sẽ phải nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại luật thuế của Việt Nam.

Phụ lục số XXV

HIỆP ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM VÀ SÉC

(kèm theo Thông tư số 59/1998/TT-BTC ngày 12-5-1998 của Bộ Tài chính bổ sung Thông tư số 95/1997/TT-BTC ngày 29-12-1997 của Bộ Tài chính).

Mặc dù đã có những quy định tại Thông tư số 95/1997/TT-BTC ngày 29-12-1997 của Bộ Tài chính, các quy định hướng dẫn sau đây sẽ được áp dụng trong trường hợp thực hiện Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Séc về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với thuế đánh vào thu nhập và tài sản có hiệu lực từ ngày 3 tháng 2 năm 1998 và được áp dụng đối với các loại thuế tại Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 1999:

1. Cơ sở thường trú:

(i) Theo Hiệp định này, Đoạn a, Điểm 3.2, Khoản 3 Mục I Thông tư được thay thế bằng quy định như sau:

a) Doanh nghiệp đó có tại Việt Nam: trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng (kể cả văn phòng đại diện thương mại của thương nhân nước ngoài đặt tại Việt Nam trong trường hợp được ủy quyền ký kết hợp đồng thương mại), nhà máy, xưởng sản xuất, mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc địa điểm khai thác hoặc thăm dò tài nguyên thiên nhiên.

(ii) Theo Hiệp định này, một tổ chức bảo hiểm là đối tượng cư trú của Séc nếu thực hiện thu phí bảo hiểm tại Việt Nam hay thực hiện bảo hiểm rủi ro tại Việt Nam thông qua một đối tượng không có tư cách độc lập, trừ trường hợp tái bảo hiểm, sẽ được coi là thực hiện hoạt động kinh doanh tại Việt Nam thông qua một cơ sở thường trú tại Việt Nam.

2. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh:

Theo Hiệp định này, không có khoản lợi tức nào được phân bổ cho một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của Séc tại Việt Nam nếu cơ sở thường trú đó chỉ đơn thuần mua hàng hóa hay tài sản cho xí nghiệp.

3. Lợi tức từ hoạt động vận tải quốc tế:

(i) Theo Hiệp định này, Đoạn d, Khoản 1, Mục I Thông tư được thay thế bằng quy định như sau:

d) Thuật ngữ "vận tải quốc tế":

Thuật ngữ "vận tải quốc tế" được dùng trong Hiệp định để chỉ việc vận chuyển hàng hóa, hành khách của các hãng hàng không, hãng vận tải hàng hải, có trụ sở điều hành thực tế tại Việt Nam hoặc Séc, giữa một địa điểm tại một nước ký kết và một địa điểm tại nước ký kết kia.

Ví dụ: hãng vận tải có trụ sở điều hành thực tế tại Séc vận chuyển hàng hóa, hành khách giữa cảng Hải Phòng và cảng tại Hồng Kông hay cảng tại Séc thì hoạt động đó được gọi là vận tải quốc tế. Thuật ngữ không áp dụng trong trường hợp hãng vận tải Séc nói trên vận chuyển hàng hóa, hành khách giữa cảng Hải Phòng và cảng thành phố Hồ Chí Minh (hai cảng đều tại Việt Nam).

Nếu trụ sở điều hành thực tế của doanh nghiệp là trên một con tàu hay con thuyền, khi đó doanh nghiệp sẽ được coi là có trụ sở điều hành thực tế tại Việt Nam nếu cảng chính của con tàu hay con thuyền đó nằm tại Việt Nam, hoặc nếu doanh nghiệp đó không có một cảng chính thì trụ sở điều hành thực tế của doanh nghiệp đó sẽ là tại Việt Nam nếu người điều hành con tàu hay con thuyền đó là đối tượng cư trú của Việt Nam.

(ii) Theo Hiệp định này, Đoạn a, Điểm 3.1, Khoản 3 Mục II Thông tư được thay thế bằng quy định như sau:

a) Doanh nghiệp vận tải có trụ sở điều hành thực tế tại Séc (là nơi doanh nghiệp đó đặt cơ quan điều hành để tổ chức, điều hành và ra các quyết định về sản xuất, kinh doanh) có lợi tức từ hoạt động vận chuyển hàng hóa, hành khách giữa một địa điểm tại Việt Nam và một địa điểm ở Séc hay giữa hai địa điểm tại nước ngoài sẽ được miễn thuế lợi tức tại Việt Nam.

4. Thu nhập từ tiền lãi cổ phần:

Theo Khoản 2 Điều 10 của Hiệp định này, thuế suất giới hạn nêu tại Điểm 5.2, Khoản 5 Mục II Thông tư là 10% tổng số tiền lãi cổ phần.

5. Thu nhập từ lãi từ tiền cho vay:

5.1. Theo Khoản 2 Điều 11 của Hiệp định này, thuế suất giới hạn nêu tại Điểm 6.2, Khoản 6, Mục II Thông tư là 10% của tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

5.2. a) Trường hợp Việt Nam đánh thuế thu nhập đối với các khoản lãi từ tiền cho vay do các tổ chức, cá nhân Việt Nam trả cho các đối tượng cư trú của nước ngoài, lãi từ tiền cho vay sẽ được miễn thuế tại Việt Nam nếu:

(i) Tiền lãi đó do Chính phủ Séc, một cơ quan hay chính quyền địa phương của Séc nhận và thực hưởng; hoặc

(ii) Tiền lãi đó do Ngân hàng Trung ương của Séc nhận và thực hưởng;

b) Trường hợp Việt Nam đánh thuế thu nhập đối với các khoản lãi từ tiền cho vay do các tổ chức, cá nhân Việt Nam trả cho các đối tượng cư trú của nước ngoài, Chính phủ Việt Nam cũng có thể xem xét miễn thuế đối với tiền lãi do bất kỳ đối tượng nào (trừ các đối tượng nêu tại Điểm (i) và (ii) nêu trên) là đối tượng cư trú của Séc nhận được và thực hưởng với điều kiện nghiệp vụ kinh doanh có khoản nợ phát sinh

được Chính phủ Việt Nam cho phép.

6. Thu nhập từ tiền bản quyền:

Theo Khoản 2 Điều 12 của Hiệp định này, thuế suất giới hạn nêu tại Điểm 7.2, Khoản 7, Mục II Thông tư là 10% của tổng số tiền bản quyền.

7. Thu nhập của nghệ sĩ và vận động viên:

Theo Hiệp định này, Điểm 12.4, Khoản 12, Mục II Thông tư được thay thế bằng quy định như sau:

12.4. Trường hợp hoạt động trình diễn nghệ thuật, thể thao của cá nhân, công ty là đối tượng cư trú tại Séc chủ yếu do quỹ công của Séc tài trợ hoặc nếu các hoạt động này được tiến hành theo một Hiệp định hay một thỏa thuận về văn hóa giữa Việt Nam và Séc thì thu nhập từ hoạt động trình diễn tại Việt Nam của cá nhân, công ty cư trú của Séc sẽ được miễn thuế tại Việt Nam.

8. Thu nhập của sinh viên, học sinh học nghề:

Theo Hiệp định này, Đoạn b, Khoản 15.2, Mục II Thông tư được thay thế bằng quy định như sau:

Đối với các khoản tiền trợ cấp, học bổng, tiền công lao động không được đề cập tại Đoạn a, Khoản 15.2, Mục II Thông tư, thì sinh viên hay học sinh học nghề như được đề cập tại Khoản 15.2, Mục II Thông tư trong suốt thời gian học tập hay đào tạo của mình tại Việt Nam sẽ được hưởng các quy định về miễn thuế hoặc giảm thuế như các quy định áp dụng cho các đối tượng cư trú của Việt Nam.

9. Thu nhập của giáo viên, giáo sư và người nghiên cứu:

Quy định tại Khoản 16, Mục I của Thông tư về

thu nhập của giáo viên, giáo sư và người nghiên cứu không được áp dụng tại Hiệp định này.

THÔNG TƯ số 60/1998/TT-BTC ngày 13-5-1998 hướng dẫn chế độ thu lệ phí cấp, gia hạn giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.

Căn cứ Điều 7, Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 175-CP ngày 18-10-1994 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 276-CT ngày 28-7-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí và Công văn số 4624-KTTH ngày 16-9-1997 của Văn phòng Chính phủ về việc thu lệ phí cấp giấy phép về môi trường;

Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu lệ phí cấp, gia hạn giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (dưới đây gọi chung là cơ sở kinh doanh) đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về môi trường cấp, gia hạn giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường (dưới đây gọi chung là giấy chứng nhận môi trường) đều phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

II. MỨC THU

1. Mức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận môi

trường như sau:

a) Cơ sở kinh doanh phải thẩm định, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: 300.000 đồng/giấy (ba trăm ngàn đồng/giấy chứng nhận).

b) Cơ sở kinh doanh phải lập bảng kê khai các hoạt động kinh doanh ảnh hưởng đến môi trường: 150.000 đồng/giấy (một trăm năm mươi ngàn đồng/giấy chứng nhận).

2. Mức thu lệ phí gia hạn giấy chứng nhận môi trường như sau:

a) Gia hạn loại giấy chứng nhận môi trường nêu tại Tiết a, Điểm 1, Mục này: 150.000 đồng/giấy/lần (một trăm năm mươi ngàn đồng/giấy/lần).

b) Gia hạn loại giấy chứng nhận môi trường nêu tại Tiết b, Điểm 1, Mục này: 80.000 đồng/giấy/lần (tám mươi ngàn đồng/giấy/lần).

III. TỔ CHỨC THU, NỘP

1. Cơ quan tổ chức thu lệ phí:

Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường theo quy định tại Nghị định số 175-CP ngày 18-10-1994 của Chính phủ, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm:

a) Kê khai thu, nộp lệ phí với Cục thuế tỉnh, thành phố nơi cơ quan thu đóng trụ sở theo đúng quy định tại Thông tư này.

b) Tổ chức thu lệ phí cấp giấy chứng nhận môi trường theo đúng quy định tại Thông tư này; thông báo công khai mức thu, thủ tục thu lệ phí tại nơi tổ chức thu lệ phí theo đúng quy định tại Thông tư này.

c) Nộp đầy đủ, đúng hạn số tiền phải nộp vào ngân sách nhà nước theo thông báo của cơ quan thuế.